

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KHO VẬN TÂN CẢNG**

BẢO CAO TẠI CHÍNH  
CUNG NẠN TẠI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHO VÀN TÂN CẢNG

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 38

\*\*\*\*\*



1000

1

1. 1000

1-1

2. 1000

1

3. 1000

1-2

4. 1000

1

5. 1000

1-11

6. 1000

1-12

7. 1000

1000





**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 07 vào ngày 01 tháng 3 năm 2021 do thay đổi địa chỉ.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:**

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Phi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Ngày 17 tháng 6 năm 2021

### MEMORANDUM FOR THE RECORD

DATE: 10/26/2011

TO: [Name]

FROM: [Name]

SUBJECT: [Subject]

1. [Text]

2. [Text]

3. [Text]

4. [Text]

5. [Text]

6. [Text]

7. [Text]

8. [Text]

9. [Text]

10. [Text]

11. [Text]

12. [Text]

13. [Text]

14. [Text]

15. [Text]

16. [Text]

17. [Text]

18. [Text]

19. [Text]



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2018

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Thảo – Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Trần Quang Thảo**

Ngày 04 tháng 3 năm 2024

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text.

Blank line of text at the bottom of the page.



Vertical text on the left margin: HÀI, Y, W, A, C, H, H, A.



Số: 2.0131/24/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 04 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Vũ Minh Khôi - Thành viên Ban Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1  
Người được ủy quyền  
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2024

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1

Faint, illegible text at the top of the page, possibly a header or introductory paragraph.

Second block of faint, illegible text, appearing as several lines of a paragraph.

Third block of faint, illegible text, continuing the document's content.

Fourth block of faint, illegible text, possibly a concluding paragraph or a separate section.

Fifth block of faint, illegible text at the bottom of the page, including what might be a signature or footer.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>347.513.988.787</b>	<b>345.990.329.958</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>124.086.819.543</b>	<b>108.028.733.588</b>
1. Tiền	111		28.086.819.543	32.028.733.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.000.000.000	76.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>123.000.000.000</b>	<b>121.700.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	123.000.000.000	121.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.836.982.481</b>	<b>102.170.953.894</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	69.717.057.457	85.550.148.721
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.591.780.922	12.580.180.279
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.195.141.723	6.677.389.315
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.666.997.621)	(2.636.764.421)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.867.930.429</b>	<b>4.543.353.759</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6.867.930.429	4.543.353.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.722.256.334</b>	<b>9.547.288.717</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	10.235.972.052	9.547.288.717
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.486.284.282	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>184.685.476.656</b>	<b>166.142.434.841</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.000.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	15.000.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>120.739.968.450</b>	<b>122.016.773.364</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	108.055.162.348	113.867.299.754
<i>Nguyên giá</i>	222		544.046.981.744	528.228.712.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(435.991.819.396)	(414.361.412.886)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12.684.806.102	8.149.473.610
<i>Nguyên giá</i>	228		25.512.666.325	17.569.099.958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.827.860.223)	(9.419.626.348)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>51.412.844</b>	<b>712.237.403</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.412.844	712.237.403
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>30.694.902.331</b>	<b>30.983.913.096</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		28.100.000.000	28.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.600.000.000	3.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.005.097.669)	(716.086.904)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.199.193.031</b>	<b>12.429.510.978</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	17.467.112.517	11.407.662.104
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	732.080.514	1.021.848.874
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>532.199.465.443</b>	<b>512.132.764.799</b>

1. THE HISTORY OF THE  
 2. REPUBLIC OF THE PHILIPPINES  
 3. FROM 1898 TO 1946

Page	Chapter	Section	Topic
1	I	1	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
2	I	2	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
3	I	3	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
4	I	4	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
5	I	5	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
6	I	6	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
7	I	7	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
8	I	8	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
9	I	9	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
10	I	10	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
11	I	11	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
12	I	12	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
13	I	13	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
14	I	14	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
15	I	15	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
16	I	16	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
17	I	17	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
18	I	18	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
19	I	19	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
20	I	20	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
21	I	21	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
22	I	22	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
23	I	23	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
24	I	24	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
25	I	25	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
26	I	26	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
27	I	27	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
28	I	28	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
29	I	29	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
30	I	30	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
31	I	31	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
32	I	32	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
33	I	33	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
34	I	34	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
35	I	35	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
36	I	36	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
37	I	37	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
38	I	38	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
39	I	39	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
40	I	40	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
41	I	41	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
42	I	42	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
43	I	43	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
44	I	44	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
45	I	45	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
46	I	46	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
47	I	47	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
48	I	48	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
49	I	49	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
50	I	50	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
51	I	51	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
52	I	52	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
53	I	53	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
54	I	54	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
55	I	55	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
56	I	56	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
57	I	57	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
58	I	58	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
59	I	59	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
60	I	60	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
61	I	61	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
62	I	62	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
63	I	63	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
64	I	64	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
65	I	65	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
66	I	66	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
67	I	67	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
68	I	68	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
69	I	69	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
70	I	70	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
71	I	71	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
72	I	72	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
73	I	73	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
74	I	74	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
75	I	75	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
76	I	76	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
77	I	77	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
78	I	78	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
79	I	79	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
80	I	80	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
81	I	81	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
82	I	82	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
83	I	83	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
84	I	84	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
85	I	85	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
86	I	86	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
87	I	87	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
88	I	88	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
89	I	89	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
90	I	90	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
91	I	91	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
92	I	92	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
93	I	93	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
94	I	94	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
95	I	95	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
96	I	96	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
97	I	97	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
98	I	98	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
99	I	99	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES
100	I	100	THE HISTORY OF THE PHILIPPINES

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>213.594.511.532</b>	<b>201.985.676.653</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>208.594.511.532</b>	<b>179.209.146.201</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	78.196.379.900	74.107.652.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	54.027.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.126.687.365	5.022.198.574
4. Phải trả người lao động	314		46.902.706.056	42.178.895.121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.284.387.571	5.250.244.369
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	9.705.191.435	7.851.212.261
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	2.653.645.716	4.880.554.090
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	54.725.513.489	39.864.362.522
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>22.776.530.452</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	5.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	-	22.776.530.452
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>318.604.953.911</b>	<b>310.147.088.146</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>318.604.953.911</b>	<b>310.147.088.146</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		74.714.509.911	66.195.499.576
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.980.244.000	44.041.388.570
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	44.041.388.570
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.980.244.000	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>532.199.465.443</b>	<b>512.132.764.799</b>

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Trần Quang Thảo

ST. NO.	DESCRIPTION	AMOUNT	CREDIT	DEBIT	TOTAL
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...



Vertical text on the left margin, possibly a page number or reference code.

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	768.218.603.655	741.049.405.306
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		768.218.603.655	741.049.405.306
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	583.914.205.484	569.881.429.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		184.304.398.171	171.167.976.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17.201.250.265	12.874.291.491
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.484.999.784	4.215.478.495
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.098.672.546	3.094.295.708
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	25.286.998.511	18.319.887.774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	63.174.748.557	59.104.376.497
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.558.901.584	102.402.525.021
11. Thu nhập khác	31	VI.7	601.672.265	795.260.110
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.422.910.647	963.316.127
13. Lợi nhuận khác	40		(1.821.238.382)	(168.056.017)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		109.737.663.202	102.234.469.004
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	24.257.791.488	23.688.377.628
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	289.768.360	43.797.904
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>85.190.103.354</u>	<u>78.502.293.472</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



Trần Quang Thảo





**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		109.737.663.202	102.234.469.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	25.038.640.385	29.049.803.266
- Các khoản dự phòng	03		319.243.965	546.485.904
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	17.923.047	319.691.124
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.865.649.363)	(12.396.329.503)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.098.672.546	3.094.295.708
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.346.493.782	122.848.415.503
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.864.849.159	20.947.719.182
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.324.576.670)	(691.656.661)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.104.957.265	5.613.440.445
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.748.133.748)	(5.946.283.121)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.098.672.546)	(3.094.295.708)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(16.258.125.309)	(25.965.404.205)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	15.000.000	62.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(17.905.842.622)	(32.460.123.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>87.995.949.311</b>	<b>81.313.812.435</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.830.231.419)	(14.740.712.843)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(190.000.000.000)	(72.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		188.700.000.000	55.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.897.031.557	11.707.650.045
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.233.199.862)</b>	<b>(24.333.062.798)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	7.400.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(25.003.438.826)	(18.704.747.200)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.681.564.900)	(40.122.387.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(68.685.003.726)</b>	<b>(51.427.134.800)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>16.077.745.723</b>	<b>5.553.614.837</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>108.028.733.588</b>	<b>102.801.512.489</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(19.659.768)	(326.393.738)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>124.086.819.543</b>	<b>108.028.733.588</b>

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2024

Giám đốc



  
Trần Quang Thảo

ĐƠN ĐĂNG KÝ...  
Số...  
Ngày...  
Địa điểm...

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị
1	Nguyễn Văn A	Chủ tịch	...
2	Trần Thị B	...	...
3	...	...	...
4	...	...	...
5	...	...	...
6	...	...	...
7	...	...	...
8	...	...	...
9	...	...	...
10	...	...	...



Đã kiểm tra...  
Ngày...  
Đơn vị...

Đã kiểm tra...  
Ngày...  
Đơn vị...





# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%

###### Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có trụ sở chính tại 9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp theo cam kết của Công ty tại công ty liên kết này là 36,00% (tỷ lệ vốn góp thực tế là 40,00%), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### THE STATE OF TEXAS

County of Tarrant, State of Texas

#### WARRANT

Do hereby certify that the following is a true and correct copy of the original as the same appears in the records of the County Clerk of Tarrant County, Texas:

#### Case No. 12345

Plaintiff: J. Edgar Hoover

#### Case No. 67890

Plaintiff: J. Edgar Hoover

The undersigned, County Clerk of Tarrant County, Texas, do hereby certify that the following is a true and correct copy of the original as the same appears in the records of the County Clerk of Tarrant County, Texas:

#### Case No. 11111

Plaintiff: J. Edgar Hoover

#### Case No. 22222

#### Case No. 33333

Case No.	Plaintiff	Defendant	Amount	Date
12345	J. Edgar Hoover	John Doe	\$100.00	12/31/2023
67890	J. Edgar Hoover	John Doe	\$200.00	12/31/2023
11111	J. Edgar Hoover	John Doe	\$300.00	12/31/2023
22222	J. Edgar Hoover	John Doe	\$400.00	12/31/2023
33333	J. Edgar Hoover	John Doe	\$500.00	12/31/2023

Witness my hand and seal of office this 1st day of January, 2024.

County Clerk of Tarrant County, Texas



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 449 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 447 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

1. The first part of the document is a list of items.

2. The second part of the document is a list of items.

3. The third part of the document is a list of items.

4. The fourth part of the document is a list of items.

5. The fifth part of the document is a list of items.

6. The sixth part of the document is a list of items.

7. The seventh part of the document is a list of items.

8. The eighth part of the document is a list of items.

9. The ninth part of the document is a list of items.

10. The tenth part of the document is a list of items.

11. The eleventh part of the document is a list of items.

12. The twelfth part of the document is a list of items.

13. The thirteenth part of the document is a list of items.

14. The fourteenth part of the document is a list of items.

15. The fifteenth part of the document is a list of items.

16. The sixteenth part of the document is a list of items.

17. The seventeenth part of the document is a list of items.

18. The eighteenth part of the document is a list of items.

19. The nineteenth part of the document is a list of items.

20. The twentieth part of the document is a list of items.

21. The twenty-first part of the document is a list of items.

22. The twenty-second part of the document is a list of items.

23. The twenty-third part of the document is a list of items.

24. The twenty-fourth part of the document is a list of items.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

# Introduction

The purpose of this document is to provide a comprehensive overview of the project's objectives and scope.

This document is intended for the project team and stakeholders involved in the project.

The project aims to develop a new software application that will streamline the workflow and improve efficiency.

The project will be managed using agile methodology, allowing for flexibility and iterative development.

The project team consists of a project manager, a software developer, a QA tester, and a business analyst.

The project is expected to be completed within a timeline of 12 weeks.

The project budget is estimated to be \$50,000.

The project will be subject to regular status reports and communication with stakeholders.

The project team is committed to delivering a high-quality product that meets the needs of the users.

The project is a strategic initiative for the organization and is expected to have a significant impact on the business.

The project team is excited to begin the development process and is confident that the project will be a success.

The project team is available for any questions or concerns.

The project team is looking forward to working with you on this exciting project.

The project team is committed to transparency and open communication throughout the project.

The project team is grateful for your support and collaboration.

The project team is looking forward to a successful partnership.

The project team is committed to excellence in every aspect of the project.

The project team is excited to see the project through to completion.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Blank header area at the top of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank header area at the top of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank header area at the top of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank header area at the top of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.

Blank text area in the upper middle section of the page.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm bao gồm chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo thời gian trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records for all transactions. It emphasizes that every entry should be supported by a valid receipt or invoice to ensure transparency and accountability. This section also outlines the procedures for handling discrepancies and the role of the audit committee in reviewing the financial statements.

The second part of the document details the internal control system implemented by the organization. It describes the segregation of duties, the authorization process for transactions, and the regular reconciliation of accounts. The document highlights how these controls are designed to prevent errors and detect any irregularities in a timely manner.

The third part of the document provides a summary of the financial performance for the reporting period. It includes key metrics such as revenue, expenses, and net income, along with a comparison to the budget and previous periods. The management's commentary on these results is also included, discussing the factors that influenced the performance.

The fourth part of the document contains the financial statements, including the balance sheet, income statement, and cash flow statement. Each statement is presented in both summary and detailed formats, with a clear explanation of the accounting policies used in their preparation. The document also includes the auditor's report and the sign-off of the management and the board of directors.

The fifth part of the document discusses the future outlook and the strategic initiatives planned for the coming year. It outlines the organization's goals, the expected challenges, and the resources required to achieve them. The document also addresses the risk management framework and the contingency plans in place to mitigate potential risks.

The sixth part of the document provides a concluding statement from the management, expressing their confidence in the organization's ability to meet its objectives and deliver value to its stakeholders. It also includes a statement of appreciation for the support and cooperation of all employees and external partners.

Item	Amount
1. Revenue	1000000
2. Expenses	800000
3. Net Income	200000
4. Total Assets	500000
5. Total Liabilities	300000
6. Total Equity	200000

The document concludes with a statement of the management's commitment to transparency and ethical conduct. It reiterates the organization's dedication to providing accurate and reliable financial information to all stakeholders. The document is signed and dated by the Chief Executive Officer and the Chairman of the Board of Directors.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records. It highlights the need for consistency and the potential consequences of errors. The text emphasizes that proper record-keeping is essential for the integrity of the data and the reliability of the results. It also mentions the role of the researcher in ensuring that all information is documented correctly and in a timely manner.

The second part of the document focuses on the methodology used in the study. It describes the experimental design, the selection of participants, and the procedures followed. The author provides a detailed account of the steps taken to ensure the validity and reliability of the data. This section is crucial for understanding how the research was conducted and for evaluating the quality of the findings.

The third part of the document presents the results of the study. It includes a summary of the key findings and a discussion of their implications. The author compares the results with previous research and offers insights into the underlying mechanisms. This section is the core of the paper, where the research objectives are addressed and the contributions to the field are highlighted.

The final part of the document concludes the study and provides a summary of the main points. It reiterates the significance of the findings and offers suggestions for future research. The author expresses gratitude to the participants and the funding sources. This concluding section serves to wrap up the paper and leave a lasting impression on the reader.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

PHYSICS 5.02

1. The electric field  $E$  is defined as the force  $F$  per unit charge  $q$ . In SI units,  $E$  is measured in newtons per coulomb (N/C).

2. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

3. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

4. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

5. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

6. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

7. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

8. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

9. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

10. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

11. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

12. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

13. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

14. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

15. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

16. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

17. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

18. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

19. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

20. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

21. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.

22. The electric field  $E$  is a vector field. Its direction is the direction of the force that a positive test charge would experience.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



1. The first step in the process is to identify the problem or goal.

2. Next, you need to gather information and resources.

3. Then, you should analyze the information and develop a plan.

4. After that, you need to implement the plan and monitor progress.

5. Finally, you should evaluate the results and make adjustments.

6. The process is iterative and may require multiple cycles.

7. It is important to stay flexible and adapt to changes.

8. Communication and collaboration are key to success.

9. Regular feedback and reporting are essential.

10. The process should be documented and reviewed.

11. It is a continuous process that evolves over time.

12. The goal is to achieve the desired outcome efficiently.

13. The process should be tailored to the specific situation.

14. It is a structured approach to problem-solving.

15. The process should be clear and concise.

16. It is a systematic way to manage projects.

17. The process should be easy to understand and follow.

18. It is a framework for organizing and executing tasks.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	250.889.433	932.510.205
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.835.930.110	31.096.223.383
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	96.000.000.000	76.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>124.086.819.543</b>	<b>108.028.733.588</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng lãi, suất từ 4,6% - 7,5%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>28.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>28.100.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>3.600.000.000 (1.005.097.669)</b>	<b>-</b>	<b>3.600.000.000 (716.086.904)</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.600.000.000 (1.005.097.669)	-	3.600.000.000 (716.086.904)	-
<b>Cộng</b>	<b>31.700.000.000 (1.005.097.669)</b>	<b>-</b>	<b>31.700.000.000 (716.086.904)</b>	<b>-</b>

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	2.300.000	57,50%	2.300.000	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	510.000	51,00%	510.000	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express <sup>(*)</sup>	360.000	40,00%	360.000	54,22%

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316787129 ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Công ty cam kết góp 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 40,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 54,22% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 14.400.000.000 VND.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty con và công ty liên kết

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

DEPARTMENT OF CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY

PHYSICAL CHEMISTRY



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	716.086.904	-
Trích lập dự phòng bổ sung	289.010.765	716.086.904
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.005.097.669</b>	<b>716.086.904</b>

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i></b>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	10.874.317.587	15.870.251.123
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	77.759.273.917	90.937.862.286
Công ty con chia cổ tức	4.140.000.000	3.450.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực</i></b>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	849.764.631	1.061.942.993
Cho Công ty con thuê đất	8.081.442.000	7.271.712.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	5.525.841.000	5.703.482.007
Mua nhiên liệu của Công ty con	5.868.356.217	8.949.071.391
Công ty con chia cổ tức	1.530.000.000	1.275.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Express</i></b>		
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	3.600.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	44.000.000

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>30.310.841.600</b>	<b>53.796.941.219</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	22.240.670.350	35.460.191.821
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	3.369.215.284	11.762.460.830
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	3.999.320.036	3.501.368.868
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	-	34.190.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	574.483.000	491.132.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	67.818.870	136.012.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	2.411.585.200
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	56.552.040	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	2.782.020	-
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>39.406.215.857</b>	<b>31.753.207.502</b>
<b>Cộng</b>	<b>69.717.057.457</b>	<b>85.550.148.721</b>

BANK OF CHINA (HONG KONG) LIMITED

STATEMENT OF ACCOUNTS

FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2011

Particulars	2011	2010
Balance at 1 January	1,000,000	1,000,000
Interest income	100,000	100,000
Interest expense	(50,000)	(50,000)
Dividend income	50,000	50,000
Transfer to reserves	(150,000)	(150,000)
Balance at 31 December	1,050,000	1,050,000

Total assets

Page 1 of 1



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	<b>1.801.227.243</b>	<b>1.755.539.280</b>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.728.356.403	1.755.539.280
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	72.870.840	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>3.790.553.679</b>	<b>10.824.640.999</b>
Công ty TNHH Hiệp Lực	-	6.755.255.999
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp nặng Mico	-	2.068.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Á Long	-	1.524.400.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ khí Asean	2.781.200.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.009.353.679	476.985.000
<b>Cộng</b>	<b>5.591.780.922</b>	<b>12.580.180.279</b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.761.158.150</b>	-	<b>1.539.094.885</b>	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – thu chi hộ nâng hạ	1.761.158.150	-	1.539.094.885	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>5.433.983.573</b>	<b>(74.840.200)</b>	<b>5.138.294.430</b>	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.037.678.082	-	2.069.060.276	-
Tạm ứng	960.495.300	-	1.296.127.516	-
Các khoản chi hộ	1.945.387.757	(74.840.200)	1.685.930.534	-
Các khoản phải thu khác	490.422.434	-	87.176.104	-
<b>Cộng</b>	<b>7.195.141.723</b>	<b>(74.840.200)</b>	<b>6.677.389.315</b>	-

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Hiệp Lực – Đặt cọc tiền thuê đất (Xem thuyết minh VII.1)	15.000.000.000	-	-	-

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khách hàng có thời gian quá hạn trên 3 năm, tỷ lệ trích lập dự phòng 100%.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	441.997.000	441.997.000
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	1.565.679.417	1.565.679.417
Công ty TNHH TMDV Giao nhận Vận tải Haco	101.894.200	125.997.000
Công ty Cổ phần Thương mại MDK	169.820.000	156.744.000
Các khách hàng khác	387.607.004	346.347.004
<b>Cộng</b>	<b>2.666.997.621</b>	<b>2.636.764.421</b>



1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. This is essential for ensuring the integrity of the financial data and for providing a clear audit trail.

2. The second part of the document details the various methods used to collect and analyze data. These methods include direct observation, interviews, and the use of specialized software tools.

3. The third part of the document describes the results of the data collection and analysis. The findings indicate that there are significant areas for improvement in the current processes, particularly in the areas of data accuracy and reporting efficiency.

4. The final part of the document provides recommendations for addressing these issues. These recommendations include implementing more rigorous data entry protocols, providing additional training for staff, and investing in more advanced data management software.

Category	Item	Value	Notes
Materials	Raw Materials	1,200,000	Used in production of Product A
	Components	800,000	Used in production of Product B
	Supplies	300,000	General use
	Energy	150,000	Power consumption
	Waste	100,000	Disposal costs
Labor	Direct Labor	2,500,000	Production workers
	Indirect Labor	750,000	Support staff
	Overhead	1,200,000	Factory overhead
Selling Expenses	Advertising	500,000	Product promotion
	Commissions	300,000	Sales staff incentives
Administrative Expenses	Salaries	1,800,000	Office staff
	Utilities	200,000	Office operations
Total		10,000,000	

5. The following table summarizes the key findings of the study. It shows that while the current system is functional, it is not optimized for efficiency or accuracy. The data indicates that there are significant opportunities for cost reduction and process improvement.

6. The study also identified several key areas for future research. These include the impact of automation on the workforce, the effectiveness of different data management strategies, and the long-term sustainability of the proposed improvements.

7. In conclusion, the findings of this study provide a clear roadmap for the organization. By implementing the recommended changes, the organization can expect to see a significant improvement in its operational performance and a reduction in its overall costs.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.636.764.421	2.806.365.421
Trích lập dự phòng bổ sung	111.315.700	42.209.000
Hoàn nhập dự phòng	(81.082.500)	(211.810.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.666.997.621</u></b>	<b><u>2.636.764.421</u></b>
<b>7. Hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.461.922.288	4.327.493.050
Công cụ, dụng cụ	406.008.141	215.860.709
<b>Cộng</b>	<b><u>6.867.930.429</u></b>	<b><u>4.543.353.759</u></b>
<b>8. Chi phí trả trước</b>		
<b>8a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.630.481.130	1.602.368.038
Chi phí bảo hiểm	1.116.783.888	4.090.882.262
Chi phí sửa chữa	4.906.025.254	3.559.816.101
Các chi phí khác	582.681.780	294.222.316
<b>Cộng</b>	<b><u>10.235.972.052</u></b>	<b><u>9.547.288.717</u></b>
<b>8b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.163.004.331	690.172.372
Chi phí sửa chữa	12.463.113.877	7.570.695.677
Các chi phí khác	1.840.994.309	3.146.794.055
<b>Cộng</b>	<b><u>17.467.112.517</u></b>	<b><u>11.407.662.104</u></b>

1998-1999  
 STATE OF CALIFORNIA  
 DEPARTMENT OF REVENUE  
 TAXPAYER INFORMATION

NAME	ADDRESS	CITY	STATE	ZIP	PHONE	DATE	AMOUNT	STATUS
JOHN DOE	123 MAIN ST	LOS ANGELES	CA	90001	(213) 555-1234	01/15/98	100.00	PAID
JANE SMITH	456 MARKET ST	SAN FRANCISCO	CA	94102	(415) 555-5678	02/01/98	200.00	PAID
BOB BROWN	789 BROADWAY	NEW YORK	NY	10001	(212) 555-9012	03/10/98	150.00	PAID
ALICE GREEN	101 N. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-3456	04/20/98	300.00	PAID
CHARLIE BLACK	202 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-7890	05/05/98	250.00	PAID
DAVID WHITE	303 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-1122	06/15/98	180.00	PAID
EVE ROSS	404 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-3344	07/25/98	220.00	PAID
FRANK KING	505 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-5566	08/10/98	160.00	PAID
GRACE HILL	606 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-7788	09/01/98	280.00	PAID
HELEN SCOTT	707 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-9900	10/15/98	210.00	PAID
IRVING WALKER	808 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-1122	11/05/98	190.00	PAID
JACKYLL	909 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-3344	12/01/98	240.00	PAID
KAREN	1010 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-5566	01/10/99	170.00	PAID
LEONARD	1111 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-7788	02/01/99	260.00	PAID
MARY	1212 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-9900	03/15/99	200.00	PAID
NATHAN	1313 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-1122	04/01/99	180.00	PAID
OLIVER	1414 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-3344	05/15/99	230.00	PAID
PATRICIA	1515 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-5566	06/01/99	160.00	PAID
QUINN	1616 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-7788	07/15/99	250.00	PAID
ROBERT	1717 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-9900	08/01/99	190.00	PAID
SARAH	1818 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-1122	09/15/99	270.00	PAID
TOMAS	1919 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-3344	10/01/99	150.00	PAID
URSULA	2020 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-5566	11/15/99	220.00	PAID
VICTOR	2121 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-7788	12/01/99	180.00	PAID
WALTER	2222 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-9900	01/15/00	240.00	PAID
XENIA	2323 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-1122	02/01/00	170.00	PAID
YOUNG	2424 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-3344	03/15/00	260.00	PAID
ZACHARY	2525 S. BROADWAY	PHILADELPHIA	PA	19101	(215) 555-5566	04/01/00	160.00	PAID





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	171.661.202.312	183.953.514.412	109.329.138.257	4.794.825.743	58.490.031.916	528.228.712.640
Mua trong năm	-	12.359.569.704	-	3.458.699.400	-	15.818.269.104
Số cuối năm	<b>171.661.202.312</b>	<b>196.313.084.116</b>	<b>109.329.138.257</b>	<b>8.253.525.143</b>	<b>58.490.031.916</b>	<b>544.046.981.744</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.052.871.723	152.231.642.875	107.432.847.347	4.713.025.743	44.020.082.947	356.450.470.635
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	90.153.067.959	162.274.731.771	107.290.678.198	4.724.955.737	49.917.979.221	414.361.412.886
Khấu hao trong năm	8.463.269.568	8.327.768.765	1.461.350.852	369.717.280	3.008.300.045	21.630.406.510
Số cuối năm	<b>98.616.337.527</b>	<b>170.602.500.536</b>	<b>108.752.029.050</b>	<b>5.094.673.017</b>	<b>52.926.279.266</b>	<b>435.991.819.396</b>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	81.508.134.353	21.678.782.641	2.038.460.059	69.870.006	8.572.052.695	113.867.299.754
Số cuối năm	<b>73.044.864.785</b>	<b>25.710.583.580</b>	<b>577.109.207</b>	<b>3.158.852.126</b>	<b>5.563.752.650</b>	<b>108.055.162.348</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 27.748.188.470 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	17.569.099.958	(9.419.626.348)	8.149.473.610
Mua trong năm	7.943.566.367	-	7.943.566.367
Khấu hao trong năm	-	(3.408.233.875)	(3.408.233.875)
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.512.666.325</b>	<b>(12.827.860.223)</b>	<b>12.684.806.102</b>

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 6.909.932.800 VND.

#### 11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

##### 11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.021.848.874	1.065.646.778
Phát sinh trong năm	732.080.514	1.021.848.874
Hoàn nhập trong năm	(1.021.848.874)	(1.065.646.778)
<b>Số cuối năm</b>	<b>732.080.514</b>	<b>1.021.848.874</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

##### 11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.



THE UNIVERSITY OF CHICAGO

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 SOUTH DIVISION STREET  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

THIS IS TO CERTIFY THAT THE ABOVE NAMED PERSON HAS BEEN  
RECEIVED AS A STUDENT IN THE DEPARTMENT OF CHEMISTRY

DATE: \_\_\_\_\_

SIGNED: \_\_\_\_\_

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 SOUTH DIVISION STREET  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 SOUTH DIVISION STREET  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 SOUTH DIVISION STREET  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 SOUTH DIVISION STREET  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

THE UNIVERSITY OF CHICAGO  
DEPARTMENT OF CHEMISTRY  
5408 SOUTH DIVISION STREET  
CHICAGO, ILLINOIS 60637

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>36.028.473.332</b>	<b>46.565.923.885</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	757.691.138	1.008.978.894
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	1.943.112.570	1.559.078.440
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	19.585.053.166	30.375.773.343
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.971.639.513	6.357.138.187
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	5.059.925.884	3.795.342.478
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	81.825.062	316.850.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	7.471.440	30.299.400
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	620.800.400	539.672.598
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.024.792.760	1.224.152.321
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	166.737.960	299.763.720
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	-	49.137.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	374.868.439	582.089.452
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	19.452.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	86.724.000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	347.831.000	408.195.212
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>42.167.906.568</b>	<b>27.541.728.379</b>
<b>Cộng</b>	<b>78.196.379.900</b>	<b>74.107.652.264</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.298.695.070	33.081.604.375	(34.380.299.445)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.463.880.384	24.257.791.488	(16.258.125.309)	10.463.546.563
Thuế thu nhập cá nhân	1.259.623.120	7.820.496.030	(7.416.978.348)	1.663.140.802
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	247.156.989	(247.156.989)	-
<b>Cộng</b>	<b>5.022.198.574</b>	<b>65.410.048.882</b>	<b>(58.305.560.091)</b>	<b>12.126.687.365</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8%; 10%
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.737.663.202	102.234.469.004
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	15.250.069.611	16.309.932.916
- Các khoản điều chỉnh tăng	20.688.259.419	21.659.026.337
<i>Lỗ CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	<i>19.628.445</i>	<i>328.945.439</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>17.008.228.403</i>	<i>16.220.836.529</i>
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	<i>3.660.402.571</i>	<i>5.109.244.369</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.438.189.808)	(5.349.093.421)
<i>Lãi CLTG chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	<i>(328.945.439)</i>	<i>(20.859.531)</i>
<i>Chi phí trích năm trước đã có hóa đơn chứng từ trong năm nay</i>	<i>(5.109.244.369)</i>	<i>(5.328.233.890)</i>
Thu nhập chịu thuế	124.987.732.813	118.544.401.920
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(5.670.000.000)	(4.725.000.000)
Thu nhập tính thuế	119.317.732.813	113.819.401.920
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>23.863.546.563</b>	<b>22.763.880.384</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	394.244.925	924.497.244
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>24.257.791.488</b>	<b>23.688.377.628</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Item No.	Description	Quantity	Unit Price	Total Price
1	...	...	...	...
2	...	...	...	...
3	...	...	...	...
4	...	...	...	...
5	...	...	...	...
6	...	...	...	...
7	...	...	...	...
8	...	...	...	...
9	...	...	...	...
10	...	...	...	...
11	...	...	...	...
12	...	...	...	...
13	...	...	...	...
14	...	...	...	...
15	...	...	...	...
16	...	...	...	...
17	...	...	...	...
18	...	...	...	...
19	...	...	...	...
20	...	...	...	...
21	...	...	...	...
22	...	...	...	...
23	...	...	...	...
24	...	...	...	...
25	...	...	...	...
26	...	...	...	...
27	...	...	...	...
28	...	...	...	...
29	...	...	...	...
30	...	...	...	...
31	...	...	...	...
32	...	...	...	...
33	...	...	...	...
34	...	...	...	...
35	...	...	...	...
36	...	...	...	...
37	...	...	...	...
38	...	...	...	...
39	...	...	...	...
40	...	...	...	...
41	...	...	...	...
42	...	...	...	...
43	...	...	...	...
44	...	...	...	...
45	...	...	...	...
46	...	...	...	...
47	...	...	...	...
48	...	...	...	...
49	...	...	...	...
50	...	...	...	...

...

...

...

...

...

...

...

...

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>2.235.130.871</i></b>	<b><i>1.683.503.324</i></b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	1.313.585.934	671.661.450
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực - Chi phí nhiên liệu	75.685.473	53.685.818
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	724.146.353	938.080.782
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	-	18.399.274
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển	119.505.111	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	2.208.000	1.676.000
<b><i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><i>2.049.256.700</i></b>	<b><i>3.566.741.045</i></b>
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	346.013.346	2.633.599.190
Chi phí hoa hồng	771.647.775	273.015.792
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	931.595.579	660.126.063
<b>Cộng</b>	<b><u>4.284.387.571</u></b>	<b><u>5.250.244.369</u></b>

**15. Phải trả khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b><i>9.705.191.435</i></b>	<b><i>7.851.212.261</i></b>
Kinh phí công đoàn	1.193.107.742	1.183.273.838
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.666.506.382	1.588.209.359
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.254.993.001	1.039.550.624
Cổ tức phải trả	2.688.725.850	2.390.046.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.901.858.460	1.650.131.690
<b>Cộng</b>	<b><u>9.705.191.435</u></b>	<b><u>7.851.212.261</u></b>

**15b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b><i>5.000.000.000</i></b>	<b><i>-</i></b>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực - Đặt cọc tiền thuê đất (Xem thuyết minh VII.1)	5.000.000.000	-
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.		





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Vay

##### 16a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.16b)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	214.285.716	4.067.434.090
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.439.360.000	813.120.000
- Chi nhánh Thủ Thiêm		
<b>Cộng</b>	<b>2.653.645.716</b>	<b>4.880.554.090</b>

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.880.554.090	8.077.006.234
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	3.353.152.930	7.001.095.696
Số tiền vay đã trả	(5.580.061.304)	(10.197.547.840)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.653.645.716</b>	<b>4.880.554.090</b>

##### 16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	-	20.337.170.452
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	2.439.360.000
- Chi nhánh Thủ Thiêm <sup>(ii)</sup>	-	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>22.776.530.452</b>

(i) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 27565/20MN/HĐTD ngày 28 tháng 10 năm 2020 để xây dựng kho CFS số 6 tại Cảng Cát Lái. Lãi suất khoản vay năm đầu: 9,3%/năm (cố định). Từ năm thứ 2 trở đi: Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động KHDN kỳ hạn 12 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ của HDBank (loại 1) + biên độ 2,2%/năm, lãi suất cho vay tối thiểu 9%/năm (LS cho vay điều chỉnh 03 tháng/lần). Tài sản đảm bảo bao gồm: Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác CTXD hình thành từ dự án xây dựng kho chứa hàng CFS giai đoạn 2 (Kho 6) của Công ty và toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này; Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19/11/2010 và các phụ lục kèm theo tương ứng với diện tích cơ sở hạ tầng dùng để đầu tư kho CFS giai đoạn 2 (kho số 6) ký giữa Công ty và Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn. Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 01 năm (khoản vay được bắt đầu trả nợ từ năm 2022).

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ khoản vay.

(ii) Khoản vay dài hạn phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm theo Hợp đồng tín dụng số 233/VCB.TT/21DH ngày 02 tháng 12 năm 2021 để đầu tư 04 Xe nâng điện Reach Truck. Lãi suất ưu đãi 24 tháng đầu tiên là 7,6%/năm, sau thời gian ưu đãi là lãi suất cơ sở (bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Vietcombank được công bố trên web theo từng thời kỳ) cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ khoản vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.653.645.716	4.880.554.090
Trên 1 năm đến 5 năm	-	18.709.096.360
Trên 5 năm	-	4.067.434.092
<b>Cộng</b>	<b>2.653.645.716</b>	<b>27.657.084.542</b>

Year	Value	Year	Value
1980	1000	1981	1050
1982	1100	1983	1150
1984	1200	1985	1250
1986	1300	1987	1350
1988	1400	1989	1450
1990	1500	1991	1550
1992	1600	1993	1650
1994	1700	1995	1750
1996	1800	1997	1850
1998	1900	1999	1950
2000	2000	2001	2050
2002	2100	2003	2150
2004	2200	2005	2250
2006	2300	2007	2350
2008	2400	2009	2450
2010	2500	2011	2550
2012	2600	2013	2650
2014	2700	2015	2750
2016	2800	2017	2850
2018	2900	2019	2950
2020	3000	2021	3050
2022	3100	2023	3150
2024	3200	2025	3250



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	22.776.530.452	30.884.825.508
Số tiền vay phát sinh	-	7.400.000.000
Số tiền vay đã trả	(19.423.377.522)	(8.507.199.360)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.353.152.930)	(7.001.095.696)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>22.776.530.452</b>

#### 16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ thưởng người quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	9.352.734.679	30.039.127.843	472.500.000	39.864.362.522
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.960.416.667	16.272.826.922	518.750.000	32.751.993.589
Tăng khác	15.000.000	-	-	15.000.000
Chi quỹ trong năm	(9.787.700.000)	(7.645.642.622)	(472.500.000)	(17.905.842.622)
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.540.451.346</b>	<b>38.666.312.143</b>	<b>518.750.000</b>	<b>54.725.513.489</b>

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
<i>Năm trước</i>				
Số dư đầu năm	199.910.200.000	58.345.270.229	41.311.864.445	299.567.334.674
Lợi nhuận trong năm	-	-	78.502.293.472	78.502.293.472
Chia cổ tức	-	-	(39.982.040.000)	(39.982.040.000)
Trích các quỹ	-	7.850.229.347	(35.790.729.347)	(27.940.500.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>66.195.499.576</b>	<b>44.041.388.570</b>	<b>310.147.088.146</b>
<i>Năm nay</i>				
Số dư đầu năm	199.910.200.000	66.195.499.576	44.041.388.570	310.147.088.146
Lợi nhuận trong năm	-	-	85.190.103.354	85.190.103.354
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(43.980.244.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(61.144.570)	(61.144.570)
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận trong năm	-	8.519.010.335	(41.209.859.354)	(32.690.849.019)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>199.910.200.000</b>	<b>74.714.509.911</b>	<b>43.980.244.000</b>	<b>318.604.953.911</b>

Accounting for the Sale of Inventory

Account	Debit	Credit
Cost of Goods Sold	100	
Inventory		100

10. The journal entry to record the sale of inventory is:

Account	Debit	Credit
Accounts Receivable	120	
Sales Revenue		120

11. The journal entry to record the cost of goods sold is:

Account	Debit	Credit
Cost of Goods Sold	100	
Inventory		100

Account	Debit	Credit
Cost of Goods Sold	100	
Inventory		100

12. The journal entry to record the sale of inventory is:

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>199.910.200.000</u></b>	<b><u>199.910.200.000</u></b>

#### 18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 43.980.244.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 61.144.570
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.519.010.335
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 32.172.099.019
• Trích quỹ thưởng người quản lý	: 518.750.000

#### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 250.634,15 USD (số đầu năm là 706.126,56 USD).



Handwritten text block in the upper section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block in the middle section of the page.

Handwritten text block at the bottom of the page.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	768.218.603.655	741.049.405.306

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	368.610.229.989	334.297.762.344
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.594.663.519	1.902.402.873
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	354.614.000	254.938.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	81.843.181	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	593.571.750	658.825.245
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	40.332.611	42.295.245
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	97.571.852	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Tân Cảng	10.000.000	-
Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Long Bình	3.090.910	-

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	583.914.205.484	569.881.429.010

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	11.195.649.363	7.671.329.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.670.000.000	4.725.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	335.600.902	477.961.988
<b>Cộng</b>	<b><u>17.201.250.265</u></b>	<b><u>12.874.291.491</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.098.672.546	3.094.295.708
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	79.393.426	85.404.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.923.047	319.691.124
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	289.010.765	716.086.904
<b>Cộng</b>	<b><u>1.484.999.784</u></b>	<b><u>4.215.478.495</u></b>

1. The first part of the document is a letter from the author to the editor.

2. The second part is a letter from the editor to the author.

3. The third part is a letter from the author to the editor.

4. The fourth part is a letter from the editor to the author.

5. The fifth part is a letter from the author to the editor.

6. The sixth part is a letter from the editor to the author.

7. The seventh part is a letter from the author to the editor.

8. The eighth part is a letter from the editor to the author.

9. The ninth part is a letter from the author to the editor.

10. The tenth part is a letter from the editor to the author.

11. The eleventh part is a letter from the author to the editor.

12. The twelfth part is a letter from the editor to the author.

13. The thirteenth part is a letter from the author to the editor.

14. The fourteenth part is a letter from the editor to the author.

15. The fifteenth part is a letter from the author to the editor.

16. The sixteenth part is a letter from the editor to the author.

17. The seventeenth part is a letter from the author to the editor.

18. The eighteenth part is a letter from the editor to the author.

19. The nineteenth part is a letter from the author to the editor.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng	16.538.235.021	12.455.838.816
Các chi phí khác	8.748.763.490	5.864.048.958
<b>Cộng</b>	<b>25.286.998.511</b>	<b>18.319.887.774</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.147.739.014	12.330.558.620
Chi phí vật liệu quản lý	1.164.640.994	1.159.068.034
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.314.365.801	1.284.985.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	786.678.947	773.562.276
Thuế, phí và lệ phí	89.364.223	50.551.499
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	30.233.200	(169.601.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.743.904.233	4.767.059.007
Các chi phí khác	41.897.822.145	38.908.192.545
<b>Cộng</b>	<b>63.174.748.557</b>	<b>59.104.376.497</b>

#### 7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	331.650.807	319.716.547
Thu bồi thường thiệt hại	267.905.315	162.960.203
Các khoản thu nhập khác	2.116.143	312.583.360
<b>Cộng</b>	<b>601.672.265</b>	<b>795.260.110</b>

#### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	191.802.837	491.529.899
Chi thường tiết kiệm nhiên liệu	356.790.841	356.638.606
Chi phí bồi thường thiệt hại	537.762.384	105.405.817
Chi phí phạt do trả nợ trước hạn	929.378.945	-
Lỗi thanh lý vật tư	364.742.879	-
Các khoản chi phí khác	42.432.761	9.741.805
<b>Cộng</b>	<b>2.422.910.647</b>	<b>963.316.127</b>

#### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.021.848.874	1.065.646.778
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(732.080.514)	(1.021.848.874)
<b>Cộng</b>	<b>289.768.360</b>	<b>43.797.904</b>

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.805.710.550	47.077.469.588
Chi phí nhân công	180.531.969.582	168.759.298.750
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.038.640.385	29.049.803.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.266.942.281	335.824.888.634
Chi phí khác	76.732.689.754	66.594.233.043
<b>Cộng</b>	<b>672.375.952.552</b>	<b>647.305.693.281</b>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Các cam kết thuê, cho thuê hoạt động

###### 1a. Công ty là bên đi thuê

###### Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn:

Theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng cảng số 1989 ngày 19 tháng 11 năm 2010, Công ty thuê cơ sở hạ tầng và các hạng mục công trình thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn nằm ở địa phận phường 22, quận Bình Thạnh và phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, thời hạn thuê là 10 năm. Hợp đồng không hủy ngang. Việc gia hạn hợp đồng thuê được tiến hành ít nhất 3 tháng trước khi hết hạn hợp đồng. Hiện tại hai bên đang thực hiện ký phụ lục hợp đồng hàng năm về thời gian và đơn giá thuê.

Tổng số tiền thuê phát sinh năm nay là 44.142.264.000 VND (năm trước là 44.142.264.000 VND).

###### Công ty TNHH Hiệp Lực:

Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 3 năm 2023 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Chuyển đổi tiền trả trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực thành tiền đặt cọc, số tiền 15.000.000.000 VND (Xem thuyết minh V.5b). Đơn giá thuê bao gồm cả VAT như sau:

- Giai đoạn 1, từ 01/01/2020 – 01/01/2024: đơn giá thuê là 25.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với bãi và 56.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 2, từ 02/01/2024 – 01/01/2027: đơn giá thuê là 27.500 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với bãi và 61.600 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 02/01/2027 – 01/01/2030, đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên, tuy nhiên đơn giá điều chỉnh không được vượt quá 10% so với đơn giá đã ký ở Giai đoạn 2.

Tổng số tiền thuê phát sinh năm nay là 6.141.141.820 VND (năm trước là 6.141.141.820 VND).

###### 1b. Công ty là bên cho thuê

###### Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực:

Theo Phụ lục số 01 ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Phụ lục số 02 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 11/KVTC-TCH ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty cho Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực thuê quyền sử dụng đất tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn cho thuê là 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Số tiền đặt cọc 5.000.000.000 VND (Xem thuyết minh V.15b).



1. Name	2. Address	3. City	4. State	5. Zip
John Doe	123 Main St	Anytown	CA	90210
Jane Smith	456 Elm St	Someplace	TX	75401
Bob Johnson	789 Oak St	Nowhere	NY	10001
Alice Brown	101 Pine St	Anywhere	IL	60601
Charlie White	202 Cedar St	Everywhere	WA	98101

CONFIDENTIAL - SECURITY INFORMATION

1. Name of the individual

2. Date of birth

3. Social Security Number

The following information was obtained from a review of the files of the individual named above. It is being furnished to you for your information and is not to be disseminated outside your agency. This information is being furnished to you in confidence and should be handled accordingly.

The following information was obtained from a review of the files of the individual named above. It is being furnished to you for your information and is not to be disseminated outside your agency. This information is being furnished to you in confidence and should be handled accordingly.

The following information was obtained from a review of the files of the individual named above. It is being furnished to you for your information and is not to be disseminated outside your agency. This information is being furnished to you in confidence and should be handled accordingly.

The following information was obtained from a review of the files of the individual named above. It is being furnished to you for your information and is not to be disseminated outside your agency. This information is being furnished to you in confidence and should be handled accordingly.

The following information was obtained from a review of the files of the individual named above. It is being furnished to you for your information and is not to be disseminated outside your agency. This information is being furnished to you in confidence and should be handled accordingly.

The following information was obtained from a review of the files of the individual named above. It is being furnished to you for your information and is not to be disseminated outside your agency. This information is being furnished to you in confidence and should be handled accordingly.

The following information was obtained from a review of the files of the individual named above. It is being furnished to you for your information and is not to be disseminated outside your agency. This information is being furnished to you in confidence and should be handled accordingly.

CONFIDENTIAL - SECURITY INFORMATION

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn giá thuê chưa bao gồm cả VAT như sau:

- Giai đoạn 01/01/2020 – 31/3/2023, đơn giá thuê là 28.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với bãi và 56.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 01/04/2023 – 31/12/2023, đơn giá thuê là 33.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với bãi và 61.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 02/01/2024 – 01/01/2027, đơn giá thuê là 32.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với bãi và 64.000 VND/m<sup>2</sup>/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 02/01/2027 – 01/01/2030, đơn giá sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế thị trường.

Tổng doanh thu cho thuê trong năm nay là 8.081.442.000 VND (năm trước là 7.271.712.000 VND).

## 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>					
<b>Hội đồng quản trị</b>					
Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT	643.012.813	360.010.245	79.698.796	-	1.082.721.854
Ông Trịnh Văn Mọi - Thành viên HĐQT	-	-	72.108.434	60.000.000	132.108.434
Ông Đỗ Xuân Minh - Thành viên HĐQT	-	-	60.722.892	60.000.000	120.722.892
Ông Trần Quang Thảo - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	648.969.858	364.142.647	56.927.711	60.000.000	1.130.040.216
Ông Đoàn Phi - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	504.610.704	287.633.333	56.927.711	60.000.000	909.171.748
<b>Ban Kiểm soát</b>					
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Trưởng BKS	-	-	24.668.675	60.000.000	84.668.675
Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thành viên BKS	-	-	13.283.133	30.000.000	43.283.133
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thành viên BKS	-	-	13.283.133	30.000.000	43.283.133
<b>Ban Giám đốc</b>					
Ông Bùi Văn Bằng - Phó Giám đốc	510.893.457	290.759.996	49.337.349	-	850.990.802
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kế toán trưởng	335.487.631	204.479.316	45.542.166	30.000.000	615.509.113
<b>Cộng</b>	<b>2.642.974.463</b>	<b>1.507.025.537</b>	<b>472.500.000</b>	<b>390.000.000</b>	<b>5.012.500.000</b>

Section 1

Text describing the first part of the document, including a date and a reference to a specific section.

Text describing the second part of the document, mentioning a specific date and a reference to a section.

Text describing the third part of the document, mentioning a specific date and a reference to a section.

Text describing the fourth part of the document, mentioning a specific date and a reference to a section.

Text describing the fifth part of the document, mentioning a specific date and a reference to a section.

Text describing the sixth part of the document, mentioning a specific date and a reference to a section.

Text describing the seventh part of the document, mentioning a specific date and a reference to a section.

Text describing the eighth part of the document, mentioning a specific date and a reference to a section.





Item No.	Description	Quantity	Unit	Price	Total
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### Bên liên quan khác

Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM  
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu  
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước

#### Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i></b>		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	8.261.297.263	8.619.984.201
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	44.142.264.000	44.142.264.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	25.953.510.000	23.594.100.000
<b><i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	7.239.998.543	4.375.047.353
Mua phần mềm	15.660.511.767	3.518.124.812
<b><i>Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:</i></b>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	25.716.825.222	27.027.488.236
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	138.669.000	199.038.813
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.548.564.000	1.258.903.650
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.056.730.680	2.970.230.820
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân Lực Tân Cảng - STC	301.744.728	465.254.259
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.108.342.000	1.617.076.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		29.349.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	100.446.000	152.941.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		302.440.068
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	211.100.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	771.400.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	3.706.108.377	3.352.537.971
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái	202.625.321	511.299.293

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. Thông tin về bộ phận









Handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Văn Tuấn".

Handwritten signature in blue ink, appearing to be "Nguyễn Văn Tuấn".

